

Số: 1029 /QĐ-SKHCN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 8 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 4 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-SKHCN ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ về bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ (theo biểu số 2 - Ban hành theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Chánh văn phòng có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC, H(02)



Nguyễn Việt Dũng

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Chương: 417

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ

Mã số: 1020854

Tại Kho bạc Nhà nước quận 3

Chương 417 – Loại 340 – Khoản 341

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1029 /QĐ-SKHCN ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán sau điều chỉnh
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí	1.200.000.000	1.200.000.000
1.1	Lệ phí	10.000.000	10.000.000
	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ	10.000.000	10.000.000
1.2	Phí	1.190.000.000	1.190.000.000
	Phí thẩm định cấp phép X quang	1.110.000.000	1.110.000.000
	Phí thẩm định cấp phép hoạt động KHCN	60.000.000	60.000.000
	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	20.000.000	20.000.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.200.000.000	1.200.000.000
3.1	Lệ phí	10.000.000	10.000.000
	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ	10.000.000	10.000.000
3.2	Phí	1.190.000.000	1.190.000.000
	Phí thẩm định cấp phép X quang	1.110.000.000	1.110.000.000
	Phí thẩm định cấp phép hoạt động KHCN	60.000.000	60.000.000
	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	20.000.000	20.000.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	55.820.215.825	58.734.215.825
1	Chi quản lý hành chính	22.329.600.000	25.243.600.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.524.000.000	14.810.000.000
	- Chi từ ngân sách thành phố	12.029.000.000	13.306.000.000
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	-	-
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	1.495.000.000	1.495.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.805.600.000	10.442.600.000
	- Chi từ ngân sách thành phố	2.496.600.000	2.871.600.000

TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán sau điều chỉnh
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	-	-
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	6.309.000.000	7.571.000.000
	<i>Trong đó: chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND</i>	6.309.000.000	7.571.000.000
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	33.490.615.825	33.490.615.825
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (đề tài/dự án nghiên cứu khoa học)	0	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nhiệm vụ khoa học công nghệ tại Sở)	31.514.899.258	31.514.899.258
2.3	Kinh phí cấp hoạt động cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	1.975.716.567	1.975.716.567